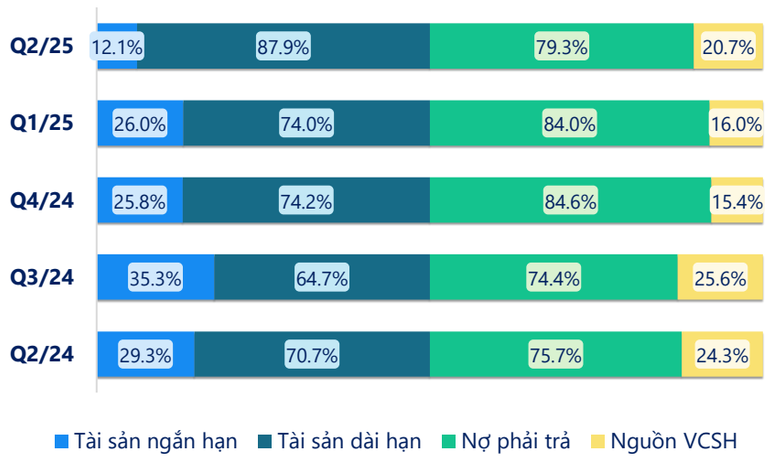
FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCOM: NTC)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	165,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	231,613
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	124,492
SL cổ phiếu LH	23,999,980
KLGD BQ 20 phiên (CP)	44,600
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,979
P/E	11.2
EPS	14,765

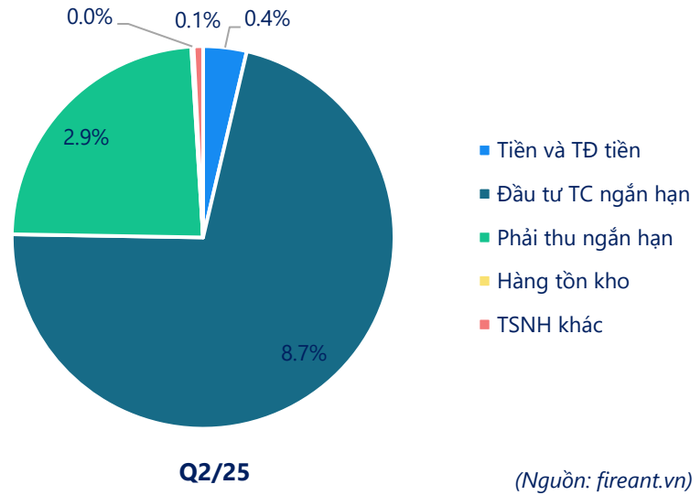
	YTD	1T	3T	6T
NTC	-19.3%	10.8%	-25.3%	-19.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



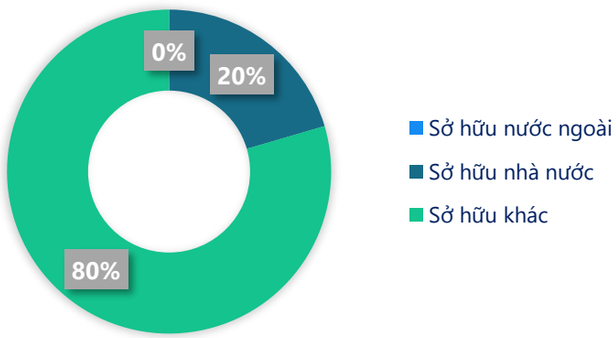
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



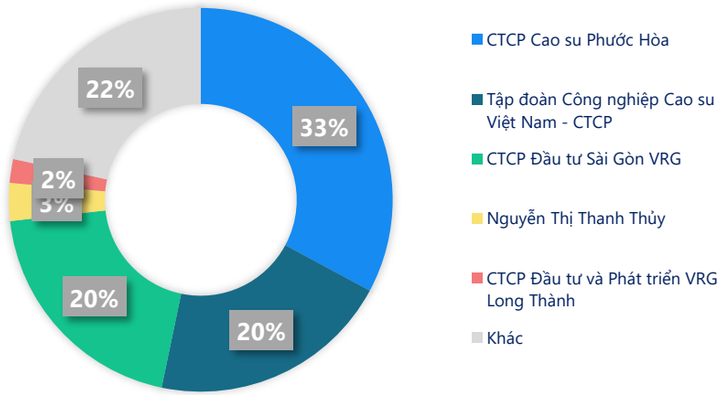
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



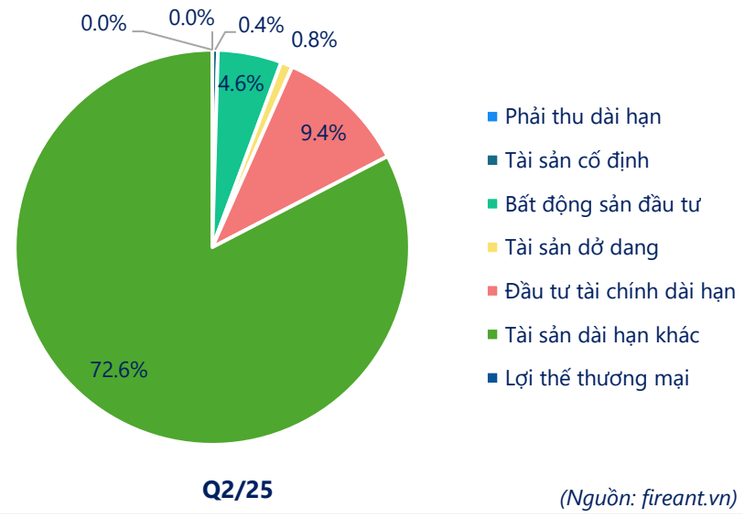
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

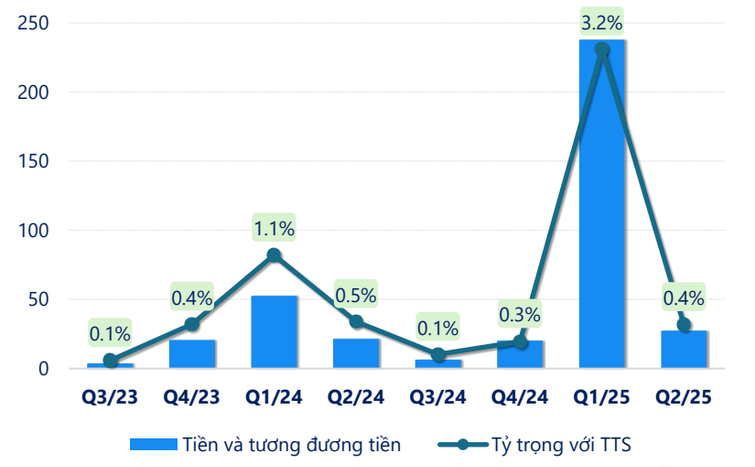


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

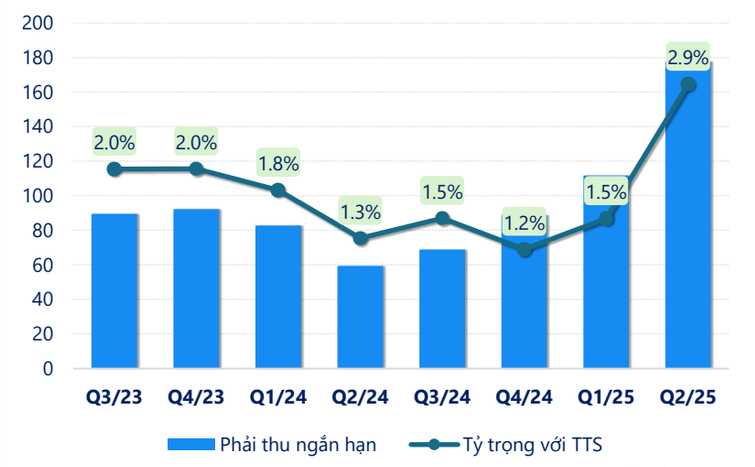
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCOM: NTC)

Tiền và tương đương tiền



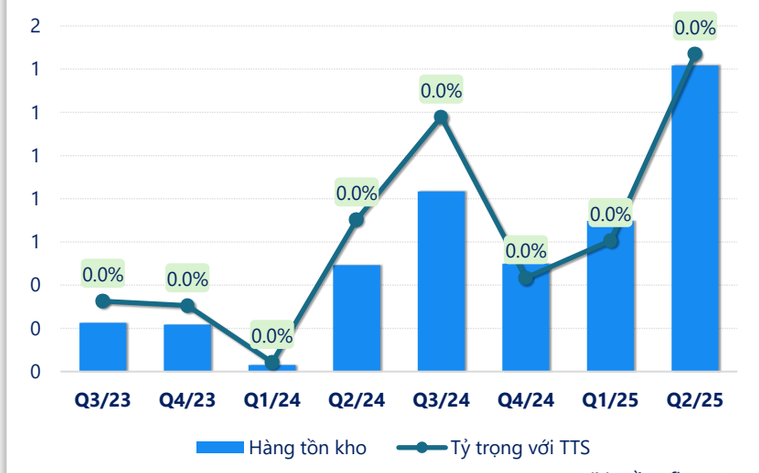
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



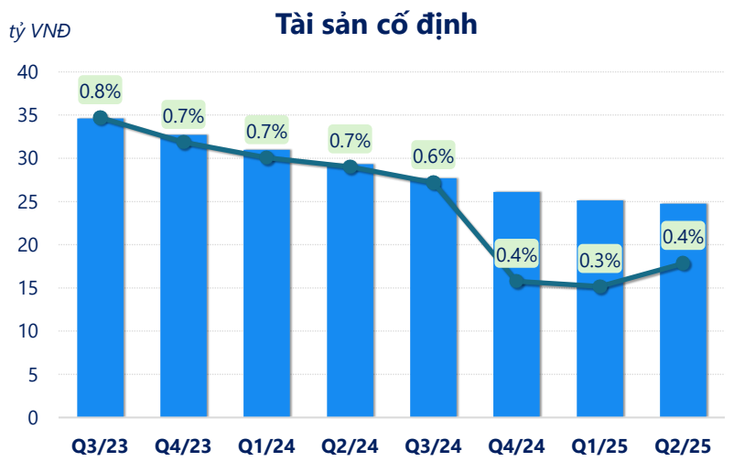
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



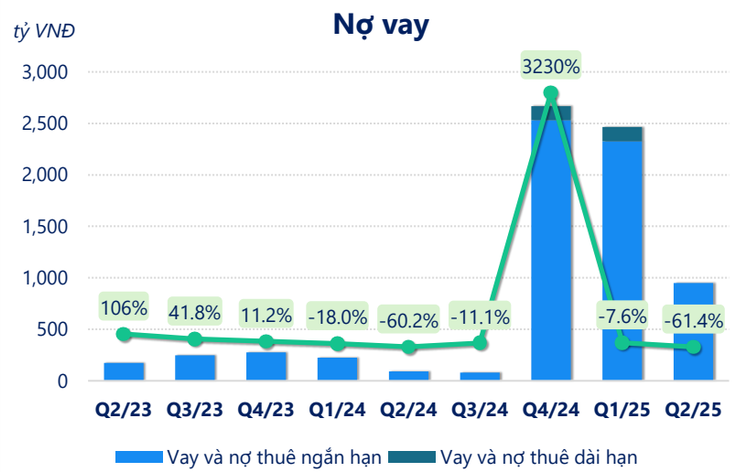
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



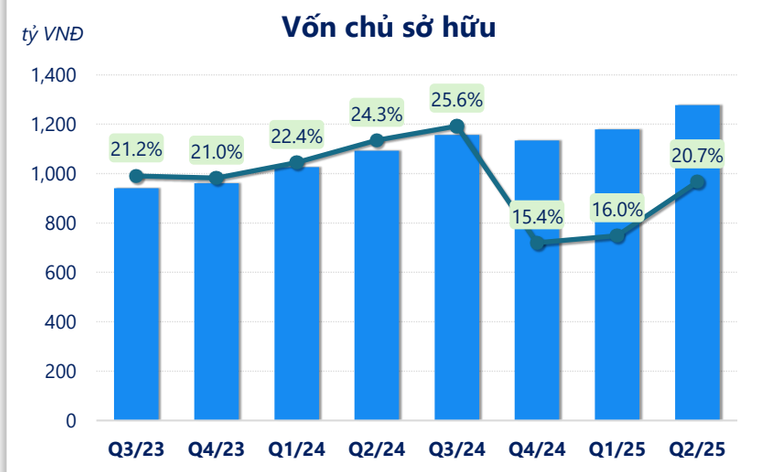
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

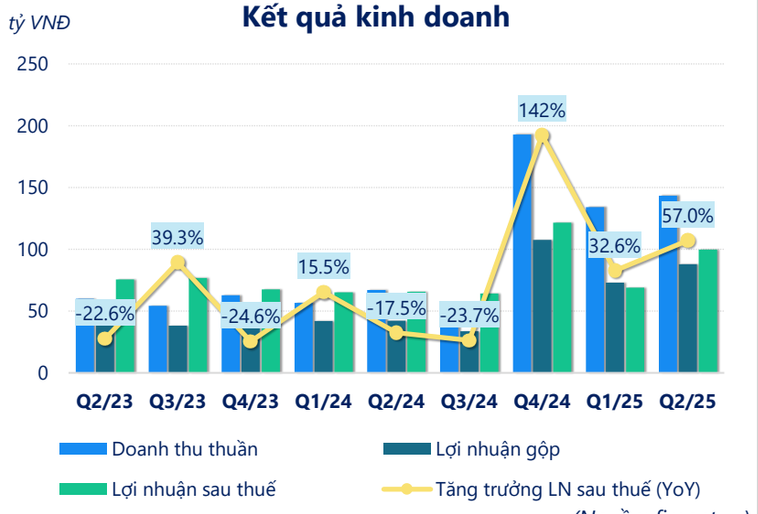


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

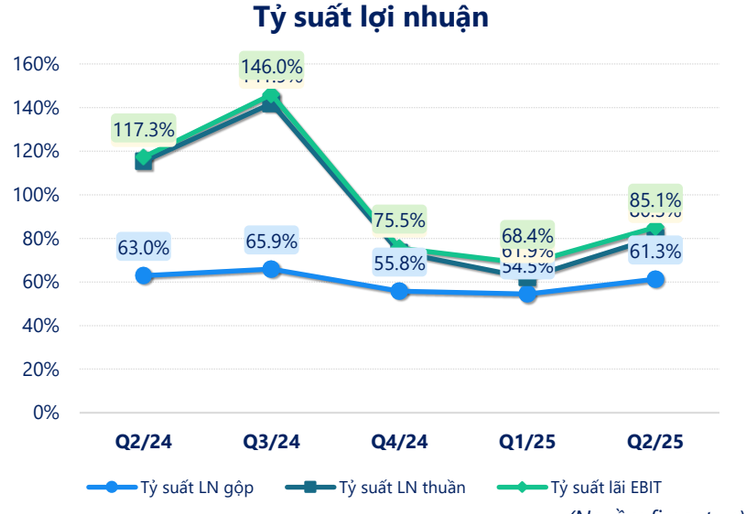
CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCOM: NTC)

Kết quả kinh doanh



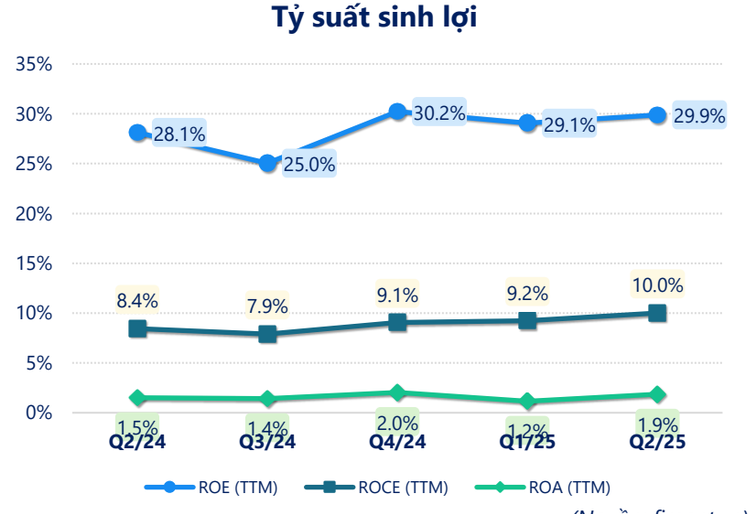
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



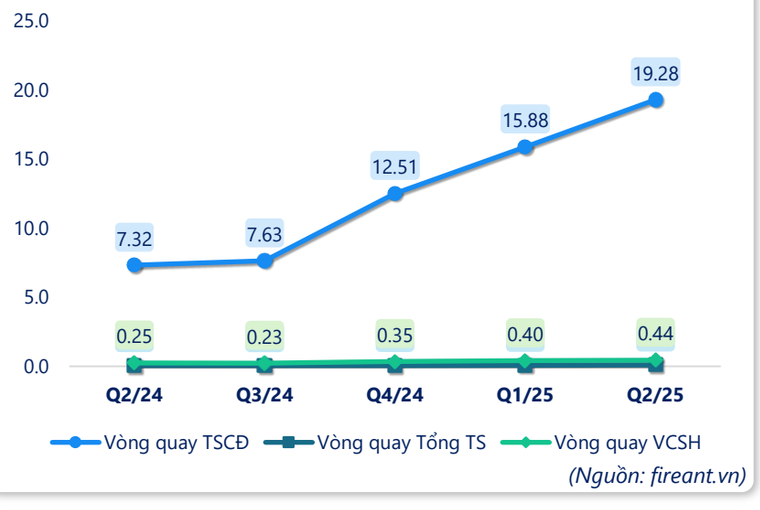
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



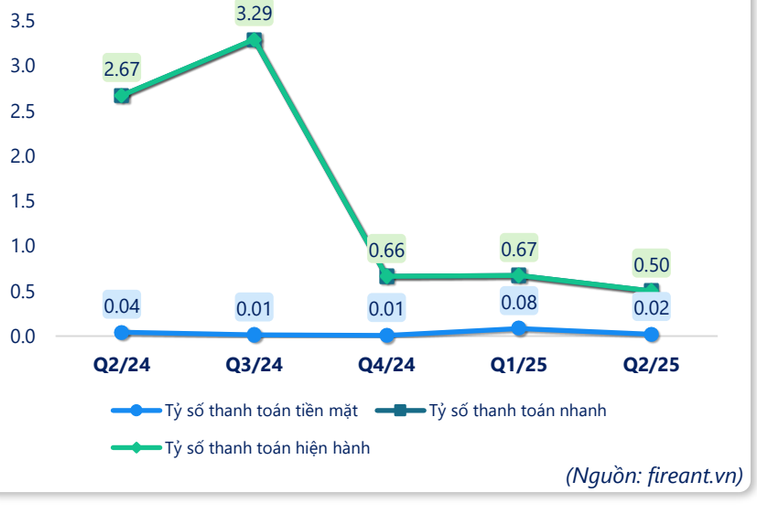
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



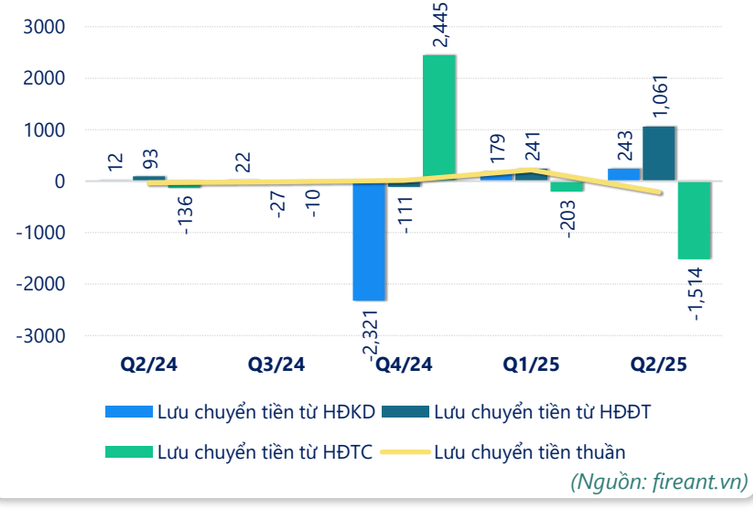
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên (UPCOM: NTC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**6,166**	**7,357**	**-16.2%**
Tài sản ngắn hạn	748	1,905	-60.7%
Tiền và tương đương tiền	27.5	20.2	35.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	535	1,779	-69.9%
Phải thu ngắn hạn	178	88.8	100.0%
Hàng tồn kho	1.42	0.79	79.3%
Tài sản ngắn hạn khác	5.97	15.7	-62.0%
Tài sản dài hạn	**5,419**	**5,452**	**-0.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	24.8	26.1	-5.1%
Bất động sản đầu tư	283	300	-5.6%
Tài sản dở dang	51.9	25.4	104%
Đầu tư tài chính dài hạn	582	583	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	**4,477**	**4,518**	**-0.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	4,889	6,246	-21.7%
Nợ ngắn hạn	**1,493**	**2,866**	**-47.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	951	2,530	-62.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.16	2.64	95.6%
Nợ dài hạn	3,396	3,379	0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	138	-100%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,278**	**1,111**	**15.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,278**	**1,111**	**15.0%**
Vốn điều lệ	240	240	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	67.0	51.2	193	134	143
Giá vốn hàng bán	24.8	17.5	85.4	61.1	55.4
Lợi nhuận gộp	42.2	33.8	108	73.0	87.8
Doanh thu HĐTC	47.2	48.6	59.1	22.3	42.9
Chi phí TC	1.51	1.03	3.41	6.38	6.71
Chi phí lãi vay	1.42	0.94	2.57	5.45	4.21
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.61	0.70	2.51	0.91	0.12
Chi phí QLDN	10.0	7.92	18.7	5.04	8.79
LN thuần từ HĐKD	77.2	72.7	142	83.0	115
Lợi nhuận khác	-0.03	1.16	0.98	3.25	2.58
LN trước thuế	77.2	73.9	143	86.3	118
Lợi nhuận sau thuế	65.7	64.2	122	69.0	99.7
LNST của CĐ cty mẹ	65.7	64.2	122	69.0	99.7

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	12.2	22.2	-2,321	179	243
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	92.7	-27.1	-111	241	1,061
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-136	-10.0	2,445	-203	-1,514
Tiền đầu kỳ	52.6	21.4	6.52	20.2	238
Lưu chuyển tiền thuần	**-31.2**	**-14.9**	**13.7**	**218**	**-210**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	21.4	6.52	20.2	238	27.5

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic